

# **CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

### MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 22

## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Thảo trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

#### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thuận Thảo được chuyển đổi từ TNHH Vận Tài & Thương Mại Thuận Thảo. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400123162 ngày 28 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

*Trong quá trình hoạt động Công ty đã 11 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như sau:*

- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 08 tháng 01 năm 2010 chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 83.020.000.000 VND lên 93.020.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 26 tháng 02 năm 2010.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 31 tháng 3 năm 2010 chuẩn y cho các việc tăng vốn điều lệ từ 93.020.000.000 VND lên 290.020.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 26 tháng 5 năm 2010 chuẩn y cho việc thay đổi số lượng cổ phần nắm giữ của các cổ đông sáng lập.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 09 tháng 9 năm 2010 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện trước pháp luật.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 06 tháng 12 năm 2010 chuẩn y cho các việc tăng vốn điều lệ từ 290.020.000.000 VND lên 435.030.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 18 tháng 7 năm 2011 chuẩn y cho các việc thay đổi về thông tin chi nhánh và thông tin về địa điểm kinh doanh.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 10 tháng 8 năm 2011 chuẩn y cho các việc thay đổi người đại diện trước pháp luật và bổ sung văn phòng đại diện.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 02 tháng 11 năm 2011 chuẩn y cho việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ngày 09 tháng 12 năm 2011 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện trước pháp luật.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười một ngày 18 tháng 01 năm 2012 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện trước pháp luật.

• **Vốn điều lệ** : **435.030.000.000 VND**

• **Danh sách cổ đông sáng lập:**

Tên cổ đông	Loại CP	Số cổ phần	Giá trị CP VND
- Bà Võ Thị Thanh	Phổ thông	10.062.000	100.620.000.000
- Ông Võ Thanh Hoàng Chương	Phổ thông	580.000	5.800.000.000
- Bà Võ Thanh Minh Hằng	Phổ thông	290.000	2.900.000.000
- Ông Võ Thanh Việt Cường	Phổ thông	290.000	2.900.000.000
- Ông Trương Trọng Cứ	Phổ thông	290.000	2.900.000.000



## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	Phổ thông	290.000	2.900.000.000
<b>Cộng</b>		<b>11.802.000</b>	<b>118.020.000.000</b>

• **Trụ sở chính:**

Địa chỉ : Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Điện thoại : (84-057) 3824229

Fax : (84-057) 3823466

Mã số thuế : 4 4 0 0 1 2 3 1 6 2

Email: [info@thuanthao.vn](mailto:info@thuanthao.vn)

Website: <http://www.thuanthao.vn>

• **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo (Tỉnh Phú Yên).**

Địa chỉ: 236/6 Quốc lộ 13, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

• **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo tại TP.Quy Nhơn.**

Địa chỉ: 358 Tây Sơn, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Bình Định.

• **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo Khách sạn Cendeluxe.**

Địa chỉ: Số 2 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

• **Hoạt động chính của Công ty:**

- Bán buôn, bán lẻ bằng ô tô. Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định. Vận tải hành khách bằng xe buýt. Vận tải hành khách theo hợp đồng và taxi. Vận tải hàng hóa bằng ô tô. Hoạt động kho bãi. Dịch vụ kho vận, dịch vụ bến xe. Đóng gói lẻ. Dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện. Dịch vụ chuyển tiền. Dịch vụ điện thoại.
- Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai. Sản xuất nước đá tinh khiết. Sản xuất cà phê.
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát, nhà hàng. Kinh doanh khách sạn. Kinh doanh tua du lịch lữ hành, điều hành tua du lịch. Đại lý tua du lịch. Đại lý mua bán vé máy bay.
- Kinh doanh phòng hát Karaoke. Dịch vụ cắt tóc, làm đầu, gội đầu. Dịch vụ tắm hơi, massage. Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp cho nam và nữ. Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức gặp mặt, giao lưu). Hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc. Kinh doanh khu vui chơi, giải trí. Trò chơi dân gian có thưởng. Hoạt động của cơ sở thể thao. Hoạt động bơi lội. Tổ chức hội chợ triển lãm thương mại. Quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa.
- Mua bán: thực phẩm, thiết bị, dụng cụ hệ thống điện, thiết bị văn phòng, lương thực, hoa, cây cảnh, sữa và các sản phẩm từ sữa, đồ uống, rượu, bia, nước đá tinh khiết, thuốc lá điếu, đồ dùng cá nhân và gia đình, mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa và chế phẩm vệ sinh, sách, báo, tạp chí, giấy viết. Nhập khẩu, mua bán trao đổi vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, thiết bị trang trí nội thất. Khai thác cát.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Dịch vụ tư vấn bất động sản. Định giá bất động sản. Quản lý bất động sản. Đấu giá bất động sản.
- Bán buôn, bán lẻ các sản phẩm sơ chế từ chim yến (tổ yến). Sơ chế và đóng gói sản phẩm từ chim yến (tổ yến) để bán.
- Chiếu phim 3D, 4D và các loại phim khác (trừ phim Nhà nước cấm).

**Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng Quản trị:**



## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

### Họ và tên

- Bà Võ Thị Thanh
- Ông Võ Thanh Hoàng Chương

### Chức vụ

Chủ tịch hội đồng Quản trị  
Phó chủ tịch

### Họ và tên

- Bà Võ Thanh Minh Hằng
- Ông Lương Ngọc Khánh

### Chức vụ

Thành viên  
Thành viên

### **Ban Kiểm soát**

### Họ và tên

- Ông Nguyễn Hữu Ân
- Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên

### Chức vụ

Trưởng ban  
Thành viên

### **Ban Tổng Giám đốc Công ty:**

### Họ và tên

- Ông Võ Thanh Hoàng Chương
- Bà Võ Thanh Minh Hằng
- Ông Huỳnh Sỹ Chiến
- Ông Nguyễn Văn Như

### Chức vụ

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Kế toán trưởng

### **Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 22).

### **Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

---

thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



---

**VÕ THANH HOÀNG CHƯƠNG - Tổng Giám đốc**

Thành phố Tuy Hòa, ngày 20 tháng 01 năm 2012

*Handwritten mark/signature at the bottom left corner.*



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 03 Đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>286,242,369,818</b>	<b>223,108,565,992</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,221,328,502	2,986,145,537
Tiền	111	VI.1	1,221,328,502	2,986,145,537
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		270,933,481,784	196,002,566,271
1. Phải thu khách hàng	131	VI.2	207,094,994,457	176,818,411,370
2. Trả trước cho người bán	132	VI.3	31,234,304,873	5,680,463,279
3. Các khoản phải thu khác	135	VI.4	32,604,182,454	13,503,691,622
IV. Hàng tồn kho	140		6,371,025,388	7,689,481,906
Hàng tồn kho	141	VI.5	6,371,025,388	7,689,481,906
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7,716,534,144	16,430,372,278
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.6	6,932,426,704	9,966,049,903
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32,763,785	47,889,416
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.7	751,343,655	6,416,432,959
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1,114,932,002,905</b>	<b>1,151,750,352,366</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		979,122,244,154	1,000,414,203,735
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	905,174,253,881	899,934,098,103
Nguyên giá	222		986,960,112,527	956,791,625,879
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81,785,858,646)	(56,857,527,776)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	VI.9	73,947,990,273	70,198,639,354
Nguyên giá	225		95,041,349,078	90,987,926,103
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(21,093,358,805)	(20,789,286,749)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.10	8,039,524,163	30,281,466,278
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		127,770,234,588	151,336,148,631
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.11	121,724,683,262	145,047,446,826
2. Tài sản dài hạn khác	268	VI.12	6,045,551,326	6,288,701,805
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,401,174,372,723</b>	<b>1,374,858,918,358</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 03 Đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>953,010,953,692</b>	<b>927,816,817,697</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>278,426,030,024</b>	<b>230,181,914,620</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.13	160,176,012,157	163,165,476,971
2. Phải trả người bán	312	VI.14	17,413,369,715	23,443,389,999
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.15	1,067,865,494	1,300,145,200
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.16	22,998,292,376	29,742,528,443
5. Phải trả người lao động	315	VI.17	3,210,190,029	5,168,882,505
6. Chi phí phải trả	316	VI.18	61,942,598,550	7,332,220
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.19	10,127,800,691	5,394,099,270
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1,489,901,012	1,960,060,012
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>674,584,923,668</b>	<b>697,634,903,077</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	VI.20	24,333,661,583	42,181,697,841
2. Vay và nợ dài hạn	334	VI.21	649,774,414,485	654,644,921,936
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		476,847,600	808,283,300
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>448,163,419,031</b>	<b>447,042,100,661</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>448,163,419,031</b>	<b>447,042,100,661</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	VI.22	435,030,000,000	435,030,000,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	VI.22	8,820,270,056	8,820,270,056
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	VI.22	2,450,075,015	2,450,075,015
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	VI.22	1,863,073,960	741,755,590
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,401,174,372,723</b>	<b>1,374,858,918,358</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:			
- Dollar Mỹ (USD)		-	-

Tỉnh Phú Yên, ngày 20 tháng 01 năm 2012



**VÕ THANH HOÀNG CHƯƠNG**  
Tổng Giám đốc

**NGUYỄN VĂN NHƯ**  
Kế toán trưởng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý IV năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND			
			Quý IV/2011	Quý IV/2010	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV/2011	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		110,118,470,067	137,877,582,187	517,978,348,680	419,216,550,289
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		144,853,347	42,672,705	735,815,391	819,662,313
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp d.vụ	10	VII.1	109,973,616,720	137,834,909,482	517,242,533,289	418,396,887,976
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	63,893,046,795	61,322,043,057	276,016,574,064	197,258,168,895
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và c.cấp d.vụ	20		46,080,569,925	76,512,866,425	241,225,959,225	221,138,719,081
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	8,405,635	6,947,474	27,633,917	9,121,027,637
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	39,586,936,846	45,010,503,215	154,372,276,752	107,987,756,753
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		39,586,936,846	45,010,503,215	154,372,276,752	107,987,756,753
8. Chi phí bán hàng	24	VII.5	10,647,268,746	13,266,324,157	42,103,860,396	44,241,557,219
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.6	10,685,523,355	18,133,989,651	46,278,681,934	46,352,391,165
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(14,830,753,387)	108,996,876	(1,501,225,940)	31,678,041,581
11. Thu nhập khác	31	VII.7	1,924,959,835	2,599,131,407	20,698,521,753	46,149,490,998
12. Chi phí khác	32	VII.8	5,977,382,091	630,936,701	16,832,424,450	12,259,741,293
13. Lợi nhuận khác	40		-4,052,422,256	1,968,194,706	3,866,097,303	33,889,749,705
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(18,883,175,643)	2,077,191,582	2,364,871,363	65,567,791,286
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.9	-	519,297,896	1,243,552,993	16,576,966,776
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(18,883,175,643)	817,817,868	1,121,318,370	48,990,824,510
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.10	-	23	26	1,737

Tỉnh Phú Yên, ngày 20 tháng 01 năm 2012



VŨ THANH HOÀNG CHƯƠNG

Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN NHƯ

Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 03 Đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kê toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Quý IV năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV năm 2011	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV năm 2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		2,364,871,363	65,567,791,286
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		38,456,882,832	39,637,687,451
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		836,667,236	6,842,583,115
- Chi phí lãi vay	06		154,372,276,752	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn</i>	08		196,030,698,183	112,048,061,852
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(122,403,056,161)	6,353,814,740
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1,318,456,518	5,005,934,463
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(7,716,729,835)	(454,601,481,169)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		26,356,386,763	26,295,348,528
- Tiền lãi vay đã trả	13		(92,437,010,422)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(16,760,355,406)	(7,279,144,115)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1,786,824,815	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3,961,789,700)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<u>(17,786,575,245)</u>	<u>(312,177,465,701)</u>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các	21		(18,382,587,027)	(78,559,196,934)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và	22		13,458,181,823	-
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	199,000,000,000
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</i>	30		<u>(4,924,405,204)</u>	<u>120,440,803,066</u>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ	31		-	176,953,119,497
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		474,825,145,782	649,784,608,728
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(423,634,680,568)	(612,712,518,537)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(30,244,301,800)	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(34,802,400,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>20,946,163,414</u>	<u>179,222,809,688</u>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		<u>(1,764,817,035)</u>	<u>(12,513,852,947)</u>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60		2,986,145,537	15,499,998,484
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70		<u>1,221,328,502</u>	<u>2,986,145,537</u>

Tỉnh Phú Yên, ngày 20 tháng 01 năm 2012



**VÔ THANH HOÀNG CHƯƠNG**  
Tổng Giám đốc

**NGUYỄN VĂN NHƯ**  
Kế toán trưởng

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ Phần Thuận Thảo (gọi tắt là Công ty).

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- *Hình thức sở hữu vốn* : Công ty Cổ phần.
- *Lĩnh vực kinh doanh* : Vận tải, thương mại, du lịch
- *Ngành nghề kinh doanh* :

Bán buôn, bán lẻ bằng ô tô. Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định. Vận tải hành khách bằng xe buýt. Vận tải hành khách theo hợp đồng và taxi. Vận tải hàng hóa bằng ô tô. Hoạt động kho bãi. Dịch vụ kho vận, dịch vụ bến xe. Đóng gói lẻ. Dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện. Dịch vụ chuyển tiền. Dịch vụ điện thoại.

Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai. Sản xuất nước đá tinh khiết. Sản xuất cà phê.

Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát, nhà hàng. Kinh doanh khách sạn. Kinh doanh tua du lịch lữ hành, điều hành tua du lịch. Đại lý tua du lịch. Đại lý mua bán vé máy bay.

Kinh doanh phòng hát Karaoke. Dịch vụ cắt tóc, làm đầu, gội đầu. Dịch vụ tắm hơi, massage. Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp cho nam và nữ. Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức gặp mặt, giao lưu). Hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc. Kinh doanh khu vui chơi, giải trí. Trò chơi dân gian có thưởng. Hoạt động của cơ sở thể thao. Hoạt động bơi lội. Tổ chức hội chợ triển lãm thương mại. Quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa.

Mua bán: thực phẩm, thiết bị, dụng cụ hệ thống điện, thiết bị văn phòng, lương thực, hoa, cây cảnh, sữa và các sản phẩm từ sữa, đồ uống, rượu, bia, nước đá tinh khiết, thuốc lá điếu, đồ dùng cá nhân và gia đình, mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa và chế phẩm vệ sinh, sách, báo, tạp chí, giấy viết. Nhập khẩu, mua bán trao đổi vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, thiết bị trang trí nội thất. Khai thác cát.

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Dịch vụ tư vấn bất động sản. Định giá bất động sản. Quản lý bất động sản. Đấu giá bất động sản.

Bán buôn, bán lẻ các sản phẩm sơ chế từ chim yến (tổ yến). Sơ chế và đóng gói sản phẩm từ chim yến (tổ yến) để bán.

Chiếu phim 3D, 4D và các loại phim khác (trừ phim Nhà nước cấm).

## II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND);

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

### **III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp số 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009.

#### **2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức nhật ký chung.

### **IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

### **V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

#### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

#### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên;

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền;

#### **4. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng hữu ích ước tính dưới 12 tháng.

#### **5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo Hóa đơn chứng từ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

### 6. Tài sản cố định hữu hình

#### *Nguyên tắc đánh giá*

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu chỉ được ghi nhận tăng nguyên giá tài sản cố định nếu chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

#### *Phương pháp khấu hao áp dụng*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Thời gian khấu hao của các nhóm Tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải	10 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

### 7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí về đầu tư xây dựng cơ bản (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản đưa vào sử dụng.

### 8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Chi phí lãi vay được vốn hóa từ lúc xây dựng tài sản dở dang đến lúc có quyết định đưa tài sản đó vào sử dụng. Các khoản chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

### 9. Chi phí trả trước dài hạn

Các chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định của Công ty và chi phí vận hành, chạy thử của khách sạn được Công ty phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng thời gian phân bổ theo thời gian hữu dụng ước tính của từng loại dụng cụ không quá 5 năm.

### 10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

### **11. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí**

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với Doanh thu trong kỳ.

### **14. Nguồn vốn, quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **15. Các bên liên quan**

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính số VIII.3.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>(a) Tiền mặt</b>	<b>940.383.981</b>	<b>2.501.998.658</b>
Tiền mặt tại VND	940.383.981	2.501.998.658
<b>(b) Tiền gửi ngân hàng VND</b>	<b>273.944.512</b>	<b>484.146.879</b>
- Ngân hàng Ngoại Thương	20.427.011	16.096.050
- Ngân hàng Nông Nghiệp Phát Triển Nông Thôn	1.525.595	1.066.455
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Phú Tài	70.318.265	393.902.201
- Ngân hàng Công Thương	145.023.182	63.265.736
- Ngân hàng Đông Á	19.659.822	5.457.646
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Phú Yên	11.040.343	4.358.791
- Ngân hàng VPBank	802.099	-
- Ngân hàng Sacombank	2.167.612	-
- Ngân hàng Á Châu	2.980.583	-
<b>(c) Tiền đang chuyển</b>	<b>7.000.009</b>	<b>-</b>
Tiền đang chuyển VND	7.000.009	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.221.328.502</u></b>	<b><u>2.986.145.537</u></b>

**2. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu khách hàng bộ phận suga	58.762.500	51.947.359
- Phải thu khách hàng vận tải hàng hóa	597.840.000	549.110.000
- Bộ phận xe khách Tuy Hoà	115.090.439	105.951.265
- Bộ phận vận tải hành khách Sài Gòn	66.970.258	170.669.000
- Bộ phận vận tải hành khách Quy Nhơn	-	703.930.073
- Khách hàng khách sạn CenDeluxe	703.171.950	366.523.900
- Phải thu khách hàng bộ phận Taxi	2.971.000	11.596.150
- Công ty TNHH CHC	35.931.447.766	174.398.625.414
- Công ty Cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn	168.650.000.000	-
- Các khách hàng khác	968.740.544	460.058.209
<b>Cộng</b>	<b><u>207.094.994.457</u></b>	<b><u>176.818.411.370</u></b>

**3. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH XDXL Thế Minh	145.751.465	145.751.465
- Công ty TNHH TM SX Sao Nam	-	742.000.400

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- DNTN TM An Phát	-	660.000.000
- Cty CP Tập đoàn truyền thông Thanh Niên	-	500.000.000
- Công ty TNHH TH-DV G.P.K.T	-	3.000.000.000
- Ứng tiền mua đất tại Tp.HCM	30.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Hoàng Đạo	418.559.856	-
- Bộ phận vận tải hành khách Sài Gòn	52.880.000	-
- Các khách hàng khác	617.113.552	632.711.414
<b>Cộng</b>	<b>31.234.304.873</b>	<b>5.680.463.279</b>

**4. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu ngân sách chi phí làm đường N1 - Resort	798.956.000	691.888.000
- Chi phí đền bù đất	6.045.783.726	4.918.967.868
- Thuế GTGT thuê tài chính	-	431.061.414
- Bộ phận xe khách Qui Nhơn	11.000.000	32.379.000
- Bộ phận khách sạn CenDeluxe	4.687.901.455	41.624.455
- Bộ phận xe khách Sài Gòn	59.399.005	47.060.005
- Công ty TNHH CHC	8.558.175.517	1.156.805.621
- Chương trình Hoa hậu trái đất chờ quyết toán ngân sách Tỉnh	3.764.491.081	3.715.987.445
- Sao mai điểm hẹn chờ quyết toán ngân sách Tỉnh	1.621.242.310	1.606.497.310
- Chương trình Duyên dáng Việt Nam 23 chờ quyết toán ngân sách Tỉnh	5.805.676.670	66.318.499
- Lê Minh Cường	-	365.630.321
- Các khoản khác	1.251.556.690	429.471.684
<b>Cộng</b>	<b>32.604.182.454</b>	<b>13.503.691.622</b>

**5. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	2.478.038.073	678.124.034
- Công cụ dụng cụ	400.497.815	3.477.514.858
- Sản phẩm dở dang	2.346.451	8.246.920
- Thành phẩm	322.070.487	151.663.058
- Hàng hóa	3.168.072.562	3.290.765.513
- Hàng mua đang đi đường	-	83.167.523
<b>Cộng</b>	<b>6.371.025.388</b>	<b>7.689.481.906</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**6. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu kỳ		<b>9.966.049.903</b>
- Tăng trong kỳ	17.760.459.257	
- Kết chuyển chi phí trong kỳ	20.788.355.183	
- Giảm khác	5.727.273	
- Số cuối kỳ	<b>6.932.426.704</b>	

**7. Tài sản ngắn hạn khác**

Tạm ứng nhân viên:	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ông Lê Ngọc Hữu	10.157.300	19.397.000
- Ông Nguyễn Ngọc Sinh	-	2.435.000
- Bà Ngô Thị Hồng Sâm	-	127.500.000
- Tạm ứng bộ phận khách sạn	90.370.618	144.716.231
- Tạm ứng bộ phận Qui Nhơn	6.700.000	303.204.766
- Bà Võ Thị Thanh	122.408.920	3.811.499.000
- Tạm ứng bộ phận Sài Gòn	106.226.942	118.414.341
- Ông Dương Văn Hùng	-	40.647.653
- Ông Tô Kỳ Hỷ	12.000.000	-
- Ông Lê Minh Hùng	32.718.000	-
- Phan Phú Thịnh	90.597.500	-
- Các nhân viên khác	280.164.375	1.848.618.968
<b>Cộng</b>	<b>751.343.655</b>	<b>6.416.432.959</b>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

Tình hình biến động Tài sản cố định trong kỳ như sau:

Chỉ tiêu	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị quân lý</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Cộng TSCĐ hữu hình</i>
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số đầu năm	849.808.000.637	6.646.343.356	57.842.936.279	10.530.889.302	31.963.456.305	956.791.625.879
2. Tăng trong năm	32.519.626.166	86.402.121	24.336.246.728	14.183.455	731.357.143	57.687.815.613
3. Giảm trong năm	-	-	27.507.662.298	-	11.666.667	27.519.328.965
<b>4. Số cuối kỳ</b>	<b>882.327.626.803</b>	<b>6.732.745.477</b>	<b>54.671.520.709</b>	<b>10.545.072.757</b>	<b>32.683.146.781</b>	<b>986.960.112.527</b>
<b>II. Giá trị hao mòn</b>						
1. Số đầu năm	33.050.557.829	2.383.242.868	14.658.165.278	1.901.247.382	4.864.314.419	56.857.527.776
2. Tăng trong năm	18.371.658.763	675.107.774	13.260.729.795	1.132.022.388	4.715.042.053	38.154.560.772
3. Giảm trong năm	-	-	13.224.479.906	-	1.749.996	13.226.229.902
<b>4. Số cuối kỳ</b>	<b>51.422.216.592</b>	<b>3.058.350.642</b>	<b>14.694.415.167</b>	<b>3.033.269.770</b>	<b>9.577.606.476</b>	<b>81.785.858.646</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Số đầu năm	816.757.442.808	4.263.100.488	47.593.661.269	8.629.641.920	22.690.251.618	899.934.098.103
<b>2. Số cuối kỳ</b>	<b>830.905.410.211</b>	<b>3.674.394.835</b>	<b>39.977.105.542</b>	<b>7.511.802.987</b>	<b>23.105.540.305</b>	<b>905.174.253.881</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- Toàn bộ Giá trị của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay.

**9. Tài sản cố định thuê tài chính**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Cộng</i>
<b>I. Nguyên giá</b>				
1. Số đầu năm	4.568.106.667	78.426.019.191	7.993.800.245	90.987.926.103
2. Tăng trong kỳ	-	27.232.468.493	-	27.232.468.493
3. Giảm trong kỳ	3.901.440.000	18.646.748.375	630.857.143	23.179.045.518
<b>4. Số cuối kỳ</b>	<b>666.666.667</b>	<b>87.011.739.309</b>	<b>7.362.943.102</b>	<b>95.041.349.078</b>
<b>II. Giá trị hao mòn</b>				
1. Số đầu năm	461.808.034	16.653.406.154	3.674.072.561	20.789.286.749
2. Tăng trong kỳ	116.028.657	8.558.484.213	770.617.258	9.445.130.128
3. Giảm trong kỳ	390.143.554	8.435.485.944	315.428.574	9.141.058.072
<b>4. Số cuối kỳ</b>	<b>187.693.137</b>	<b>16.776.404.423</b>	<b>4.129.261.245</b>	<b>21.093.358.805</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. Số đầu năm	4.106.298.633	61.772.613.037	4.319.727.684	70.198.639.354
<b>2. Số cuối kỳ</b>	<b>478.973.530</b>	<b>70.235.334.886</b>	<b>3.233.681.857</b>	<b>73.947.990.273</b>

**10. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công trình Nhà Rôbison	4.675.872.737	7.450.511.214
- Sửa chữa tài sản cố định	3.363.651.426	22.830.955.064
<b>Cộng</b>	<b>8.039.524.163</b>	<b>30.281.466.278</b>

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

- Đầu kỳ		<b>145.047.446.826</b>
- Tăng trong kỳ	2.617.716.987	
- Kết chuyển chi phí trong kỳ	24.131.655.609	
- Giảm khác trong kỳ	1.808.824.942	
- <b>Số cuối kỳ</b>	<b>121.724.683.262</b>	

**12. Tài sản dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khoản quỹ ký cược dài hạn thuê tài chính	6.045.551.326	6.285.701.805
- Ký quỹ khác	-	3.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.045.551.326</b>	<b>6.288.701.805</b>

**13. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Ngân hàng Đầu tư phát triển Phú Tài	89.986.954.857	125.017.051.593	129.941.204.704	85.062.801.746
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam	70.765.197.803	127.701.816.472	126.484.283.452	71.982.730.823



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- Vay cá nhân	2.413.324.311	21.173.884.917	20.456.729.640	3.130.479.588
<b>Cộng</b>	<b>163.165.476.971</b>	<b>273.892.752.982</b>	<b>276.882.217.796</b>	<b>160.176.012.157</b>

**14. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH TMDV XNK Nam Phát Lộc	-	4.378.898.700
- Xăng dầu Phú Thành	2.674.241.250	1.922.047.540
- DNTN xăng dầu Hiệp Thành Phát	590.753.310	2.657.739.970
- Công ty TNHH PCCC Vũ Thế	-	1.341.423.900
- Bộ phận khách sạn Cen Deluxe	1.116.037.437	1.233.850.767
- Công ty TNHH ITV VTTH Phú Yên	1.409.883.620	1.194.832.040
- Công ty CP Alpha Nam Sài Gòn	-	920.000.000
- Công ty TNHH CKL Việt Nam	436.370.300	726.656.952
- Công ty TNHH VT&SC ô tô Phát Trường	1.503.566.430	918.425.760
- Công ty Metro Cash & Carry Việt Nam	295.260.527	423.213.936
- Công ty CP Vedan	208.885.952	396.367.563
- Công ty CP PA	-	393.572.633
- Công ty Hoàng Phương	254.462.295	372.443.752
- Công ty Indochina VN	-	361.347.848
- Công ty CP nước khoáng Vĩnh Hào	302.297.634	295.970.271
- DNTN Tân Thanh	244.799.951	237.639.920
- DNTN TM Kim Phúc	495.412.143	207.490.100
- Công ty TMDVTH Hòa Khánh	12.307.000	7.419.000
- Công ty TNHH ô tô HINO Tây Nguyên	1.872.000.000	-
- Công ty CP Cơ điện lạnh Việt Nam	174.807.000	-
- Công ty TNHH TM Trang trí nội thất Châu Âu	214.530.283	-
- Cơ sở điêu khắc Rồng Vàng	115.150.000	-
- Công ty dầu ăn GOLDEN HOPE - Nhà bè	1.326.625.718	-
- Các Công ty khác	4.165.978.865	5.454.049.347
<b>Cộng</b>	<b>17.413.369.715</b>	<b>23.443.389.999</b>

**15. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vận tải hành khách Sài Gòn	560.861.987	235.314.984
- Vận tải hành khách Quy Nhơn	324.612.073	959.784.413
- Chi nhánh khách sạn Cendeluxe	53.859.934	24.131.553
- Các khách hàng khác	128.531.500	80.914.250
<b>Cộng</b>	<b>1.067.865.494</b>	<b>1.300.145.200</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT	21.590.496.717	11.810.776.494
- Thuế thu nhập cá nhân	212.951.108	1.294.365.129
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.077.904.289	16.594.706.702
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	116.940.262	42.680.118
<b>Cộng</b>	<b><u>22.998.292.376</u></b>	<b><u>29.742.528.443</u></b>

• **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng hiện hành

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ thuế

Thuế suất : 10 %

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

(Xem thuyết minh V.11)

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định hiện hành.

**17. Phải trả người lao động**

18. Tiền lương tháng 12 còn phải trả người lao động	3.210.190.029
19. Chi phí phải trả	61.942.598.550

**20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Bảo hiểm thất nghiệp	237.267.179	-
- Kinh phí công đoàn	47.039.863	21.023.963
- Phải trả tiền làm đường Độc Lập	1.476.130.565	1.496.062.065
- Hàng gửi	1.592.443.000	1.390.688.000
- Bộ phận khách sạn	10.006.585	31.809.751
- Bộ phận xe khách Quy Nhơn	20.898.364	357.356.415
- Bộ phận xe khách Sài Gòn	101.057.534	-
- Ông Nguyễn Văn Chánh	217.500.000	-
- Phải trả cổ tức	657.780.000	721.140.000
- Các khoản khác	5.767.677.601	1.376.019.076
<b>Cộng</b>	<b><u>10.127.800.691</u></b>	<b><u>5.394.099.270</u></b>

**21. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ký quỹ nhân viên	10.245.704.875	10.787.494.875
- Bà Võ Thị Thanh	11.670.136.708	11.670.136.708



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- Ông Võ Thanh Hoàng Chương	661.270.000	660.817.000
- Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	764.900.000	330.600.000
- Bà Võ Thanh Minh Hằng	330.550.000	330.550.000
- Ông Võ Thanh Việt Cường	330.550.000	330.550.000
- Ông Trương Trọng Cử	330.550.000	330.550.000
- Công ty TNHH CHC	-	10.740.999.258
- Ông Nguyễn Văn Chánh	-	7.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.333.661.583</b>	<b>42.181.697.841</b>

**22. Vay và nợ dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay Ngân hàng đầu tư phát triển Phú Tài	545.596.000.000	-	41.498.265.493	504.097.734.507
Vay ngân hàng Công Thương	3.500.000.000	-	2.800.000.000	700.000.000
Vay ngân hàng VP Bank	-	1.780.000.000	267.000.000	1.513.000.000
Ngân hàng đầu tư phát triển Phú Tài	40.000.000.000	-	500.000.000	39.500.000.000
Nợ thuế tài chính	65.548.921.936	27.550.000.000	34.478.702.279	58.620.219.657
Vay cá nhân	-	199.152.392.800	153.808.932.479	45.343.460.321
<b>Cộng</b>	<b>654.644.921.936</b>	<b>228.482.392.800</b>	<b>233.352.900.251</b>	<b>649.774.414.485</b>

**23. Nguồn vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	83.020.000.000	-	-	21.572.358.440	104.592.358.440
Tăng vốn năm trước (*)	352.010.000.000	-	-	-	352.010.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	48.990.824.510	48.990.824.510
Tăng khác	-	-	-	260.410.424	260.410.424
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(34.802.400.000)	(34.802.400.000)
Trích quỹ	-	8.820.270.056	2.450.075.015	(13.230.405.083)	(1.960.060.012)
Giảm khác	-	-	-	(22.049.032.701)	(22.049.032.701)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>435.030.000.000</b>	<b>8.820.270.056</b>	<b>2.450.075.015</b>	<b>741.755.590</b>	<b>447.042.100.661</b>
Số dư đầu năm nay	435.030.000.000	8.820.270.056	2.450.075.015	741.755.590	447.042.100.661
Lãi trong kỳ	-	-	-	1.121.318.370	1.121.318.370
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>435.030.000.000</b>	<b>8.820.270.056</b>	<b>2.450.075.015</b>	<b>1.863.073.960</b>	<b>448.163.419.031</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**I. Doanh thu**

	Quý IV năm 2011	Quý IV năm 2010
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	110.118.470.067	137.877.582.187
Các khoản giảm trừ doanh thu	(144.853.347)	42.672.705
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>109.973.616.720</b>	<b>137.834.909.482</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Quý IV năm 2011</u>	<u>Quý IV năm 2010</u>
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	63.893.046.795	61.322.043.057
<b>Cộng</b>	<b><u>63.893.046.795</u></b>	<b><u>61.322.043.057</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Quý IV năm 2011</u>	<u>Quý IV năm 2010</u>
Lãi tiền gửi	8.405.635	6.947.474
<b>Cộng</b>	<b><u>8.405.635</u></b>	<b><u>6.947.474</u></b>

**4. Chi phí hoạt động tài chính**

	<u>Quý IV năm 2011</u>	<u>Quý IV năm 2010</u>
Chi phí lãi vay	39.586.936.846	45.010.503.215
<b>Cộng</b>	<b><u>39.586.936.846</u></b>	<b><u>45.010.503.215</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Quý IV năm 2011</u>	<u>Quý IV năm 2010</u>
Chi phí nhân viên bán hàng	351.269.800	445.772.628
Chi phí công cụ dụng cụ	4.762.924.915	7.969.164.382
Chi phí khấu hao	3.578.184.729	3.271.027.133
Chi phí dịch vụ mua ngoài	430.514.425	799.539.791
Chi phí khác bằng tiền	1.524.374.877	780.820.223
<b>Cộng</b>	<b><u>10.647.268.746</u></b>	<b><u>13.266.324.157</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Quý IV năm 2011</u>	<u>Quý IV năm 2010</u>
Chi phí nhân viên quản lý	4.002.077.400	3.195.952.150
Chi phí công cụ dụng cụ	1.938.492.088	5.876.224.934
Chi phí khấu hao	2.758.648.693	2.718.491.897
Thuế, phí lệ phí	81.100.894	82.469.237
Chi phí dịch vụ mua ngoài	301.205.356	240.392.969
Chi phí khác bằng tiền	1.603.998.924	6.020.458.464
<b>Cộng</b>	<b><u>10.685.523.355</u></b>	<b><u>18.133.989.651</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Quý IV năm 2011</u>	<u>Quý IV năm 2010</u>
Thu thanh lý tài sản	4.447.272.728	1.554.545.455
Các khoản khác	1.238.607.840	1.044.585.952
Điều chỉnh giảm khác	(3.760.920.733)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.924.959.835</u></b>	<b><u>2.599.131.407</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**8. Chi phí khác**

	<u>Quý IV năm 2011</u>	<u>Quý IV năm 2010</u>
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	5.907.585.414	1.494.945.973
Các khoản khác	69.796.677	678.517.321
Điều chỉnh giảm quỹ tết	-	(1.542.526.593)
<b>Cộng</b>	<b><u>5.977.382.091</u></b>	<b><u>630.936.701</u></b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Quý IV năm 2011</u>	<u>Quý IV năm 2010</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(18.883.175.643)	2.077.191.582
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	-	2.077.191.582
Thuế suất	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>519.297.896</u></b>

TP. Tuy Hòa, ngày 20 tháng 01 năm 2012



**VÕ THANH HOÀNG CHƯƠNG**  
Tổng Giám đốc

**NGUYỄN VĂN NHƯ**  
Kế toán trưởng